

NHỮNG THÀNH TỰU KINH TẾ-XÃ HỘI NỔI BẬT SAU 25 NĂM TÁI LẬP TỈNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI

Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình

25 năm trước, tại Kỳ họp thứ 5 - Quốc hội khoá VIII đã ban hành Nghị quyết tách tỉnh Bình Trị Thiên thành 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế. Ngày 1 tháng 7 năm 1989, Quảng Bình trở lại với địa giới và tên gọi cũ.

Quảng Bình là một tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ, là nơi giao thoa các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội giữa hai miền Bắc - Nam, cách thủ đô Hà Nội 500km về phía Bắc; cách thành phố Hồ Chí Minh 1.200km về phía Nam; phía Tây giáp nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào (với 201km đường biên giới), phía Đông giáp biển Đông (với 116km bờ biển). Tổng diện tích tự nhiên là: 8.065km²; Dân số hơn 860.000 người. Tỉnh có 8 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm Thành phố Đồng Hới; Thị xã Ba Đồn và các huyện: Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hoá, với 159 xã, phường, thị trấn.

Những năm đầu tái lập tỉnh, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Bình đối mặt với bộn bề khó khăn. Kinh tế chậm phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật quá nghèo nàn, lạc hậu; điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, thiên tai thường xuyên xảy ra; tổ chức bộ máy và cán bộ các cấp vừa thiếu, vừa yếu; đời sống hầu hết nhân dân rất khó khăn. Kinh tế thuần nông, tỷ trọng lao động trong nông nghiệp cao 79,6%, (cơ cấu nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng 47,7%; công nghiệp - xây dựng 16,6%; dịch vụ 35,7%); thu nhập bình quân đầu người thấp, chỉ 21,7 USD; sản lượng lương thực 91.831 tấn; năng suất lúa đạt 19,1 tạ/ha. Lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế, khoa học công nghệ đang còn kém phát triển...

Ý thức sâu sắc về những thách thức, cũng như thời cơ của một tỉnh mới, kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử, cách mạng của quê hương, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đoàn kết, năng động, sáng tạo, từng bước tháo gỡ, khắc phục khó khăn, ổn định các hoạt động; tích cực tìm tòi, học hỏi, đúc rút kinh nghiệm và tranh thủ mọi sự hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương, nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển. Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình phấn khởi, tự hào trước những thành tựu lớn lao đã đạt được trên các lĩnh vực.

1. Về Kinh tế

Kinh tế Quảng Bình đã đạt được những thành tựu nổi bật, có bước phát triển mạnh mẽ, duy trì tốc độ tăng trưởng khá, ổn định, từng bước tạo lập các yếu tố đảm bảo phát triển bền vững, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Tổng giá trị sản phẩm nội tỉnh liên tục tăng, tính chung tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 1990-2013 tăng 8,8%/năm, đây là mức tăng trưởng khá so với khu vực và bình quân

chung của cả nước. Năm 2013, GDP của tỉnh đạt 18.580 tỷ đồng (giá trị tuyệt đối), tăng 60 lần so với năm 1990. GDP bình quân đầu người năm 2013 đạt 22,5 triệu (1.070 USD), tăng gấp 50 lần so với năm 1990. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng (tỷ trọng ngành nông nghiệp từ 47,7% năm 1990 giảm xuống còn 20,5% năm 2013; Công nghiệp - xây dựng, tăng từ 16,6% năm 1990 lên 36,3%; ngành dịch vụ từ 35,7% tăng lên 43,2% năm 2013). Thu ngân sách từ 14 tỷ đồng năm 1990 lên 2.270 tỷ đồng vào năm 2013 (tăng 162 lần), giá trị xuất khẩu từ 10 triệu USD lên 137 triệu USD năm 2013, tăng gấp 13,7 lần...

Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn duy trì tốc độ tăng trưởng khá, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, năng suất, chất lượng, giá trị; thu nhập, đời sống nhân dân được cải thiện, từng bước nâng cao.

Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 4%/năm. Sản lượng lương thực tăng nhanh, những năm gần đây đều đạt trên 28 vạn tấn, gấp hơn 3 lần so với năm 1990 góp phần đảm bảo an ninh lương thực, ổn định đời sống nhân dân. Kinh tế nông thôn phát triển theo hướng chuyên môn hoá cây trồng, vật nuôi gắn với phát triển tổng hợp các nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng về đất đai, vốn, lao động và kinh nghiệm sản xuất. Các mô hình, nhân tố mới trong nông nghiệp, nông thôn xuất hiện ngày càng nhiều như kinh tế trang trại, kinh tế vườn rừng, vườn đồi, nông - lâm kết hợp... Chương trình xây dựng nông thôn mới thực hiện có hiệu quả, kết cấu hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư, đời sống nhân dân được cải thiện, bộ mặt nông thôn đổi mới toàn diện. Diện tích cây công nghiệp tăng cao, đặc biệt là cao su 18.307ha; diện tích đất canh tác có giá trị trên 50 triệu đồng/ha/năm đạt 13.500ha, chiếm tỷ lệ 16,4% diện tích đất nông nghiệp.

Chăn nuôi phát triển theo hướng chất lượng, giá trị, các mô hình chăn nuôi quy mô lớn, chăn nuôi trang trại theo hướng sản xuất hàng hóa ngày càng được nhân rộng; tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp không ngừng được nâng lên, năm 2013 đạt 43,8%.

Thành tựu lớn nhất của sản xuất lâm nghiệp là vốn rừng được giữ vững và phát triển. Độ che phủ rừng đạt trên 70%, là địa phương có độ che phủ rừng cao nhất cả nước. Chương trình xã hội hoá trong nghề rừng đã tạo ra được những chuyển biến tích cực, nhận thức của người dân được nâng lên, đã chú trọng đầu tư trồng rừng kinh tế mang lại hiệu quả cao... Công tác quản lý, bảo vệ, PCCC rừng được quan tâm chỉ đạo, nhất là tại các địa bàn trọng điểm.

Thủy sản được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, phát triển toàn diện và tăng trưởng khá ổn định. Tỷ trọng thủy sản trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp và trong GDP đều tăng nhanh. Sản lượng từ 8,6 ngàn tấn năm 1990 tăng lên 60,7 ngàn tấn năm 2013, tăng 7 lần. Cả 2 lĩnh vực nuôi trồng và khai thác thủy sản đều tăng trưởng khá. Năng lực đánh bắt được tăng cường, đã chuyển hướng sang nghề đánh cá khơi và đẩy mạnh khai thác hải sản xuất khẩu. Đã có nhiều mô hình nuôi tôm trên cát, nuôi tôm thâm canh và bán thâm canh mang lại kết quả cao.

Ngành nghề nông thôn có bước phát triển khá, sản phẩm hàng hoá ngày càng phong phú, đa dạng, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống nhân dân. Đến nay toàn tỉnh có 14 làng nghề, 10 làng nghề truyền thống; Giá trị sản xuất ngành nghề nông thôn đạt 2.450 tỷ đồng (giá hiện hành); giải quyết việc làm cho 1.150 lao động/năm; toàn tỉnh có 26 cơ sở dạy nghề, đào tạo nghề cho 9.103 lao động nông thôn; tỷ lệ lao động qua đào tạo 29,5%.

Sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định, nhiều lĩnh vực đạt trình độ trung bình của khu vực, một số sản phẩm có tính cạnh tranh và đã có chỗ đứng trên thị trường; bước đầu xác lập được các ngành công nghiệp chủ lực làm nền tảng phát triển kinh tế như ngành công nghiệp điện, sản xuất VLXD, chế biến gỗ, nông sản, đồ uống và may mặc.

Ngành công nghiệp đã nhanh chóng thích nghi với cơ chế mới, dần ổn định; từng bước cơ cấu lại sản xuất, đổi mới công nghệ. Đặc biệt những năm gần đây, nhiều dự án công nghiệp quy mô lớn được đầu tư, đưa vào sản xuất như: Nhà máy May xuất khẩu Hà Quảng (giai đoạn 1 và giai đoạn 2); Nhà máy Bia Hà Nội - Quảng Bình công suất 30 triệu lít/năm; Nhà máy Xi măng Sông Gianh công suất 1,4 triệu tấn/năm; Nhà máy Xi măng Văn Hóa giai đoạn 1 công suất 2 triệu tấn/năm; Gạch Ceramic công suất 2 triệu m²/năm; Nhà máy Xi măng Áng Sơn 1 công suất 0,5 triệu tấn/năm, Áng Sơn 2 công suất 0,7 triệu tấn/năm; Nhà máy Chế biến cao lanh Quảng Bình - Bohemia; Nhà máy sản xuất Bột đá chất lượng cao Linh Thành; Nhà máy Giấy Kraf; Nhà máy Bê tông dự ứng lực ly tâm của Công ty Sơn Trường và Phan Vũ; Nhà máy Chế biến gỗ Phú Quý và các nhà máy chế biến lâm, thủy sản xuất khẩu... Nhờ vậy, giá trị sản xuất công nghiệp tăng cao, năm 2013 đạt 8.706 tỷ đồng, tăng hơn 55 lần năm 1990, đạt mức tăng trưởng bình quân 17%/năm. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp khu vực nhà nước giảm, tỷ trọng công nghiệp ngoài nhà nước tăng lên do quá trình đổi mới sắp xếp doanh nghiệp.

Đã hình thành và phát triển mạnh mẽ các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Toàn tỉnh có 8 KCN với tổng diện tích 1.029,37ha. Hơn 40 dự án đầu tư, với tổng số vốn đăng ký 6.426,5 tỷ đồng. Toàn tỉnh có 10 cụm công nghiệp được thành lập với tổng diện tích 163ha, trong đó có 6 cụm đã và đang đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp đầy bình quân 50%, có 56/86 dự án sản xuất đăng ký hoạt động với tổng số vốn đầu tư 150 tỷ đồng, giá trị SXCN khoảng 48 tỷ, nộp ngân sách 2,5 tỷ đồng.

Các loại hình dịch vụ phát triển nhanh, dịch vụ du lịch từng bước khẳng định là một ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

Các ngành dịch vụ phát triển mạnh, mạng lưới kinh doanh thương mại được mở rộng, xuống tận địa bàn khu dân cư, làm chức năng giao lưu, trao đổi hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ. Hàng hoá trên thị trường phong phú, đa dạng, việc mua bán thuận lợi, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các tầng lớp dân cư trong tỉnh. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ liên tục tăng, năm 2013 đạt 15.597 tỷ đồng, gấp 136 lần năm 1990, đạt tốc độ tăng bình quân 22%/năm. Số lượng đơn vị kinh doanh thương mại tăng nhanh, đã hình thành các trung tâm thương mại, siêu thị.

Giá trị xuất khẩu năm 2013 đạt 137 triệu USD, gấp 13,7 lần năm 1990, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 11%/năm. Thị trường xuất khẩu không ngừng được mở rộng nhờ tăng cường công tác xúc tiến thương mại. Song song với hoạt động xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu thời kỳ 1990-2013 cũng tăng nhanh, từ 0,961 triệu USD năm 1990 lên 50 triệu USD năm 2013, các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu phục vụ sản xuất và máy móc, thiết bị.

Là một tỉnh có nhiều tiềm năng, thế mạnh phát triển dịch vụ du lịch, ngành du lịch đã có bước tăng trưởng nhanh về mọi mặt, khách du lịch đến Quảng Bình ngày một tăng. Đến năm 2013, tỉnh ta đón trên 1 triệu lượt khách, phần đầu các năm tiếp theo đạt 2 triệu lượt. Chất lượng dịch vụ du lịch ngày càng cao, thời gian lưu trú của khách tăng lên. Nhiều điểm du lịch, tua tuyến được đưa vào khai thác có hiệu quả, đặc biệt du lịch mạo hiểm khám phá hang Sơn Đoòng mang đẳng cấp quốc tế. Tờ The New York Times, một trong những tờ báo uy tín hàng đầu của Mỹ đã bình chọn Quảng Bình vào top 52 điểm đến hấp dẫn nhất thế giới năm 2014; đứng ở vị trí thứ 8/52 điểm đến và đứng 1/12 điểm đến trong khu vực châu Á. Có thể nói, du lịch Quảng Bình đã khẳng định được vị thế của mình, góp phần quảng bá hình ảnh Quảng Bình tới bạn bè trong nước và quốc tế.

Số lượng các phương tiện vận tải tăng nhanh, đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân. Bưu chính viễn thông có bước phát triển và hiện đại hoá nhanh. Các loại hình dịch vụ tài chính ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn pháp luật, tin học, dịch vụ kỹ thuật, y tế, giáo dục được khuyến khích phát triển và có bước phát triển khá, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của người dân.

Hoạt động tài chính - tín dụng có nhiều tiến bộ, đã góp phần ổn định nền kinh tế trong điều kiện khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng từ 14 tỷ đồng năm 1990 lên 853 tỷ đồng năm 2009 và năm 2013 đạt 2.270 tỷ đồng, tăng bình quân 22,4%/năm. Cơ cấu nguồn thu có sự chuyển dịch theo hướng thu từ SXKD của các doanh nghiệp quốc doanh địa phương và thu ngoài quốc doanh tăng khá.

Số lượng tổ chức tín dụng tăng lên góp phần quan trọng trong việc huy động nguồn vốn nhân rỗi của dân cư để phát triển kinh tế - xã hội. Các tổ chức tín dụng đã bám sát các mục tiêu, các chương trình kinh tế, các dự án phát triển sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế để cho vay kịp thời, ngoài ra đã mở rộng đối tượng cho vay phục vụ sản xuất và tiêu dùng...

Thời gian qua tỉnh đã tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Hiện nay diện mạo của tỉnh thay đổi nhanh chóng, hiện đại, khang trang và sạch đẹp hơn. Hệ thống hạ tầng các đô thị đã được đầu tư từng bước theo hướng đồng bộ, tỷ lệ đô thị hóa tăng nhanh, năm 2013 đạt 15,5%. Các quy hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh, các địa phương, quy hoạch đô thị, vùng kinh tế trọng điểm, quy hoạch ngành, lĩnh

vực... cơ bản đã được thực hiện đi trước một bước. Thị xã Đồng Hới được công nhận là thành phố trực thuộc tỉnh năm 2004 và đang phấn đấu trở thành đô thị loại II vào năm 2015; Thị trấn Ba Đồn vừa được công nhận là thị xã thuộc tỉnh.

Tính chung 25 năm từ khi tái lập tỉnh, tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện đạt khá, khoảng trên 50.000 tỷ đồng. Bước đầu hoàn chỉnh, đồng bộ hệ thống giao thông như đường quốc lộ, đường ven biển, tỉnh lộ, đường liên huyện, liên xã; Nâng cấp Quốc lộ 1A qua địa bàn tỉnh, Quốc lộ 9C từ Quán Hàu - Vĩnh Tuy đến cửa khẩu Chút Mút - Là Vơn, ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm, có tính chiến lược, tạo đột phá trong phát triển KT-XH như: cầu Nhật Lệ 2, đường nối Khu kinh tế Hòn La với Khu công nghiệp xi măng tập trung Tiến - Châu - Văn Hóa, đường và cầu về xã Văn Hóa, Tỉnh lộ 16, đường trục chính Bắc Nam rộng 60m xã Bão Ninh, Hệ thống đèn tín hiệu dẫn đường bay Sân bay Đồng Hới, đường nối Hòn Cỏ - Hòn La để nâng công suất cảng Hòn La đảm bảo tàu có trọng tải 30.000 - 50.000 tấn ra vào cảng... Các tuyến đường nội thị được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện cho các đô thị phát triển. Từng bước thực hiện chương trình cứng hoá giao thông nông thôn, đường về trung tâm cụm xã. Từng bước đầu tư đồng bộ và hiện đại hoá hệ thống thủy lợi, đầu tư có trọng điểm các hồ chứa, như: hồ Sông Thai, Mù U, Cải Cách, Vân Tiên, Đồng Ran, thủy lợi Thượng Mỹ Trung, Tróc Trâu, Thác Chuối... đảm bảo cung cấp đủ nước cho sản xuất, sinh hoạt, đến nay đã tưới chủ động cho 95,5% diện tích lúa cả năm.

Huy động, lồng ghép, vận động các nguồn vốn để đầu tư đồng bộ hệ thống cung cấp nước sạch và nước hợp vệ sinh cho khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư tập trung. Đến năm 2013 có 92% dân cư đô thị dùng nước sạch và 78% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

Kinh tế đối ngoại và xúc tiến đầu tư có bước chuyển biến mạnh mẽ, bước đầu đưa lại hiệu quả thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Hoạt động kinh tế đối ngoại thu được kết quả khá, quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế được mở rộng, thu hút được nhiều chương trình dự án quan trọng cho đầu tư phát triển. Quan hệ hợp tác kinh tế giữa tỉnh và các tỉnh của các nước láng giềng, các tổ chức quốc tế có bước tiến bộ; đã tiên hành ký các biên bản phát triển quan hệ hợp tác với tỉnh Khăm Muộn, Savannakhet (CHDCND Lào), một số tổ chức, địa phương của Thái Lan và một số tổ chức quốc tế khác.

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng linh hoạt, nhanh nhạy, mở rộng quan hệ với các đối tác nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh, tập trung vào những lĩnh vực có lợi thế như: khai thác khoáng sản, sản xuất VLXD, phát triển năng lượng, du lịch, dịch vụ... Nhờ vậy, công tác xúc tiến đầu tư đạt nhiều kết quả, nhiều tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đã đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư. Đến cuối năm 2013, tổng số dự án đăng ký đầu tư vào tỉnh từ các năm là 267 dự án với tổng số vốn đăng gán 100.000 tỷ đồng.

Hiện nay Quảng Bình là tỉnh xếp hạng đầu trong 63 tỉnh, thành phố về chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Quảng Bình thuộc vào nhóm xếp hạng khá. Đây là điều kiện tốt để thu hút các nhà đầu tư đến với Quảng Bình trong thời gian tới.

Công tác quản lý tài nguyên - môi trường được tăng cường.

Thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 được Chính phủ phê duyệt. Cơ bản hoàn thành quy hoạch sử dụng đất 7/7 huyện, thành phố; 159/159 xã, phường, thị trấn, tiếp tục thực hiện cấp giấy CNQSD đất cho các tổ chức và cá nhân. Đến nay, toàn tỉnh đã cấp được 529.469 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 568,47 ngàn ha, đạt 94,5% diện tích các đối tượng sử dụng đất. Tỷ lệ cấp giấy CNQSD đất ở đô thị đạt 92,47%; nông thôn đạt 91,14%, đất nông nghiệp đạt 82,3%, đất lâm nghiệp: 88,34%; đất cho các tổ chức đạt 98,72%.

Công tác quản lý tài nguyên tiếp tục được tăng cường, thực hiện đúng quy định, khắc phục tình trạng khai thác khoáng sản trái phép. Chú trọng nâng cao chất lượng công tác thẩm định đánh giá tác động môi trường và kiểm tra giám sát việc thực hiện đối với các khu đô thị, dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh.

2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo phát triển toàn diện, đồng bộ trên các mặt: quy mô, chất lượng, điều kiện dạy và học; đã triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục; Chương trình kiên cố hoá trường, lớp học. Đội ngũ giáo viên từng bước được bổ sung về số lượng và nâng cao về chất lượng. Mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng đến khắp các xã, phường, thị trấn. Công tác xã hội hoá giáo dục được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho xã hội học tập. Tính đến nay, toàn tỉnh có 615 trường học các cấp, với đầy đủ các loại hình công lập, dân lập, tư thục. 100% xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia PCGDTH - CMC, có 6/7 huyện, thành phố với 155/159 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTH - ĐĐT (đạt 97,48%, tăng 2 xã so năm trước); 7/7 huyện, thành phố với 158/159 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS (đạt 99,37%); 21,4% trường mầm non, 69,3% trường tiểu học, 28,3% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Đã nâng cấp Trường CĐSP Quảng Bình thành Trường Đại học, hiện đang tiếp tục đầu tư mở rộng theo hướng trường đại học đa ngành. Mạng lưới trường THCS, trường dạy nghề, trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề, trung tâm dịch vụ việc làm phát triển rộng khắp với nhiều chuyên ngành, đáp ứng cơ bản nhu cầu xã hội.

Hoạt động KH&CN tiếp tục được đẩy mạnh và có những chuyển biến tích cực, các đề tài nghiên cứu khoa học đã tập trung hơn vào thực hiện mục tiêu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh, hướng vào hỗ trợ hoạt động SXKD của các thành phần kinh tế. Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, lao động sáng tạo được khuyến khích. Công tác phổ biến thông tin, chuyển giao ứng dụng KH&CN được chú trọng. Quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng có tiên bộ, góp phần quản lý chất lượng sản phẩm, bảo vệ

quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về đo lường - chất lượng trong hoạt động SXKD.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân tiếp tục được quan tâm. Chất lượng khám chữa bệnh, thái độ phục vụ người bệnh ngày càng được nâng cao, nhất là công tác khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi. Công tác xã hội hoá trong lĩnh vực y tế từng bước được đẩy mạnh, nhiều phòng khám tư nhân chất lượng cao được đầu tư xây dựng. Công tác phòng chống dịch bệnh được chú trọng, các loại dịch bệnh nguy hiểm cơ bản được khống chế. Công tác thanh tra, kiểm tra hành nghề y được tiếp tục được đẩy mạnh. Các cơ sở y tế được nâng cấp, đầu tư trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng trong điều trị, chăm sóc, điều dưỡng người bệnh. Hiện nay toàn tỉnh có 159/159 xã, phường, thị trấn có trạm y tế, đạt tỷ lệ 100%; 98/159 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 61,6%; 159/159 trạm y tế có bác sĩ, đạt tỷ lệ 100%; 100% thôn bản có nhân viên y tế hoạt động được trả phụ cấp ổn định; 100% trạm y tế có đủ thuốc thiết yếu phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh.

Sự nghiệp phát triển văn hóa chuyển biến tích cực, đã góp phần tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng ngày càng mở rộng và từng bước thể hiện tính xã hội hóa. Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác quản lý văn hoá được chú trọng tăng cường, ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hoá trái phép. Các hoạt động sự nghiệp văn hoá thông tin được đẩy mạnh theo hướng về cơ sở, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn toàn tỉnh, đảm bảo cho hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá phát triển đúng hướng, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh truyền hình được nâng lên, nhất là, mạng lưới thông tin đài, trạm ở cơ sở. 95% số xã thu được Đài Tiếng nói Việt Nam, 100% trung tâm xã thu được Đài Truyền hình Việt Nam; 77% số xã thu được tín hiệu Đài Phát thanh và Truyền hình của tỉnh. Số xã, phường có báo đến trong ngày là 149/159 xã, phường, thị trấn. Hiện đang có 10 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính với 137 điểm giao dịch, 7 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông, internet với mật độ thuê bao cố định 5,9 thuê bao/100 dân; thuê bao di động 64,6 thuê bao/100 dân, thuê bao internet 5,84 thuê bao/100 dân. 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng thông tin di động.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển mạnh nhiều hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn với nhiều hình thức ngày càng phong phú, đa dạng. Tiếp tục duy trì và phát triển cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thể dục thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

3. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng địa phương được tăng cường, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, công tác đối ngoại được mở rộng. Thực hiện tốt nhiệm vụ

phát triển kinh tế đi đôi với củng cố quốc phòng - an ninh. Công tác quản lý biên giới và xây dựng cơ sở biên giới được tăng cường. Công tác bảo vệ an ninh - quốc phòng thường xuyên được quan tâm và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị. Phòng tuyến quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được chú trọng. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ chủ chốt của các sở, ban ngành cấp tỉnh, cấp huyện ở Quân khu và tổ chức giáo dục quốc phòng tại tỉnh, các huyện, thành phố và trong các trường học. Chỉ đạo xây dựng cơ sở vật chất, các văn kiện và các điều kiện cần thiết phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh đạt mục đích, yêu cầu.

Lực lượng công an đã thường xuyên nắm bắt tình hình, tổ chức nhiều đợt trấn áp tội phạm có hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động phòng, chống ma túy trên các địa bàn trọng điểm; triển khai và thực hiện tốt các kế hoạch đảm bảo an toàn cho các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, thực hiện có hiệu quả các giải pháp cấp bách nhằm kiểm chế tai nạn giao thông.

II. Phần đầu đưa Quảng Bình phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới

Tuy đạt được một số thành tựu rất đáng tự hào, nhưng nhìn một cách tổng thể thì Quảng Bình hiện nay vẫn là tỉnh khó khăn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy đạt khá cao, nhưng chưa thực sự vững chắc. GDP bình quân đầu người thấp so với mức bình quân chung cả nước. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, năng lực cạnh tranh còn hạn chế, kết cấu hạ tầng còn yếu kém và thiếu đồng bộ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tiềm năng, lợi thế chưa được phát huy đúng mức. Một số ngành, lĩnh vực phát triển chưa ổn định, chưa có sự đột phá để tạo động lực thúc đẩy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu. Quy mô sản phẩm, khả năng cạnh tranh thấp, sản phẩm có giá trị gia tăng không nhiều; năng lực sản xuất mới tăng chậm. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đời sống nhân dân đang còn khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo, nguy cơ tái nghèo còn cao. Đời sống một bộ phận đồng bào ở miền núi, vùng bãi ngang còn nhiều khó khăn...

Trong thời gian tới, Quảng Bình cần tiếp tục huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ môi trường sinh thái; tạo chuyển biến thực sự về chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh và hội nhập của nền kinh tế; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; phần đầu đưa Quảng Bình phát triển nhanh và bền vững. Để đạt được mục tiêu trên, trong phát triển kinh tế, Quảng Bình cần thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu:

Thứ nhất, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng tăng trưởng, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng chất lượng, hiệu quả; tăng nhanh khu vực có năng suất

lao động và hiệu quả cao. Hình thành rõ nét vùng động lực, ngành chủ lực, mũi nhọn trên cơ sở tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng những sản phẩm, thương hiệu có năng lực cạnh tranh ở trong và ngoài nước.

Tăng cường liên kết để phát huy thế mạnh và vai trò động lực của từng vùng, từng trung tâm kinh tế, góp phần đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế; bảo đảm hài hòa giữa các vùng, đô thị và nông thôn. Tập trung đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghiệp, các khu thương mại, dịch vụ gắn với các khu kinh tế, khu du lịch, đô thị và vùng nông thôn, miền núi, khu kinh tế cửa khẩu và các cụm di tích văn hóa, lịch sử. Tiếp tục phát triển các vùng chuyên canh tập trung sản xuất lương thực, trồng cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, trồng rừng gắn với công nghiệp chế biến và tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm, gắn kết chặt chẽ, hài hòa lợi ích giữa ngành sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

Thứ hai, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa và xây dựng nông thôn mới.

Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở bảo đảm an ninh lương thực, hiệu quả, bền vững. Khai thác tiềm năng, thế mạnh, các nguồn lực để phát triển tổng hợp kinh tế biển, trong đó phát triển ngành thủy sản thực sự trở thành một ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Gắn mục tiêu tăng trưởng nông nghiệp với việc xây dựng nông thôn mới, cải thiện đời sống nhân dân.

Chú trọng lồng ghép các nguồn lực đầu tư theo hướng xã hội hóa để xây dựng nông thôn mới theo Chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững. Gắn mục tiêu quốc gia giảm nghèo với Chương trình xây dựng nông thôn mới và Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Thứ ba, tập trung phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, trở thành ngành trọng điểm, tạo động lực phát triển của nền kinh tế.

Ưu tiên phát triển mạnh ngành công nghiệp có thế mạnh trở thành ngành công nghiệp chủ lực, mũi nhọn, như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, thủy sản... Chú trọng phát triển công nghiệp theo hướng công nghệ cao, có sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động. Sớm tạo sự liên kết vùng kinh tế động lực khu vực Bắc Quảng Bình - Nam Hà Tĩnh; từng bước xây dựng, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ các nhà máy xi măng, Trung tâm Nhiệt điện Quảng Trạch và các dự án quan trọng khác. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp, có giải pháp tích cực để khôi phục các ngành nghề truyền thống có thị trường tiêu thụ sản phẩm, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

Thứ tư, phát triển đa dạng các ngành dịch vụ; từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Chú trọng nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ, tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, như dịch vụ du lịch, vận tải biển... Đẩy mạnh hoạt động xuất

khẩu; phấn đấu đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu đạt 155 triệu USD, tăng bình quân hàng năm 17%.

Phát triển du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tập trung các trung tâm du lịch trọng điểm. Tăng cường hợp tác du lịch vùng, gắn kết giữa các tuyến, điểm du lịch; đa dạng hóa các loại hình du lịch, đẩy mạnh nghiên cứu tạo ra sản phẩm du lịch đặc thù, có tính cạnh tranh cao trên thị trường, khắc phục tình trạng đơn điệu, tính thời vụ, tính cạnh tranh thấp, hướng tới phục vụ khách du lịch có chất lượng.

Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng dịch vụ thương mại, vận tải và các loại hình dịch vụ khác.

Thứ năm, tiếp tục phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo động lực cho sự phát triển trong thời kỳ mới.

Hoàn thiện cơ bản mạng lưới giao thông. Phấn đấu đến năm 2015, đưa hệ thống các trục quốc lộ, tỉnh lộ quan trọng, cảng hàng không, cảng biển vào đúng các cấp bậc kỹ thuật quy định; hoàn thành cơ bản chương trình cứng hoá giao thông nông thôn. Ưu tiên đầu tư một số công trình trọng điểm, mang tính động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cấp bảo đảm an toàn các hồ chứa; kiên cố hoá các hệ thống thủy lợi. Tăng cường đầu tư gia cố, sửa chữa, xây dựng nâng cấp hệ thống đê kè chống xói lở bờ sông, ven biển, xây dựng phương án phòng, chống lũ cho các vùng thường xuyên bị lũ lụt.

Thứ sáu, đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh để thu hút các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội

Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư theo hướng gắn với các dự án, công trình và nhu cầu đầu tư trong kế hoạch đã được phê duyệt để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần kinh tế.

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội và đầu tư tại tỉnh; thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng khu tái định cư. Tăng cường quảng bá, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh.

Phấn khởi, tự hào trước những kết quả đạt được sau 25 năm tái lập tỉnh, cùng với định hướng và những mô hình đã, đang triển khai theo một tư duy phát triển mới sẽ là hành trang, là tiền đề quan trọng để toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tỉnh tiếp tục đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, tự tin vững bước trên con đường hướng đến mục tiêu xây dựng quê hương Quảng Bình ngày càng giàu đẹp, phồn vinh.